

Bản án số: **269/2026/DS-ST**

Ngày 15-5-2026

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Huệ

Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đặng Hoàng R**, sinh năm 1976 (có mặt)

Căn cước công dân số: 096076009..., cấp ngày 12 tháng 8 năm 2021.

Địa chỉ cư trú: **Ấp C, xã H, tỉnh Cà Mau.**

- Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1957 (vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: **Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn anh **Đặng Hoàng R** trình bày:* Từ ngày 26/5/2014, anh **Đặng Hoàng R** với ông **Nguyễn Văn T** và vợ là bà **Nguyễn Thị L** thỏa thuận mua bán thức ăn tôm và các loại thuốc thủy sản, phương thức thanh toán khi thu hoạch vụ tôm. Đến ngày 08/5/2016 hai bên có chốt nợ, ông **T** và bà **L** còn nợ anh **R** số tiền 52.775.000 đồng. Sau khi chốt nợ đến nay, phía ông **T**, bà **L** vẫn không thanh toán. Nay anh **R** yêu cầu ông **T**, bà **L** thanh toán cho anh **R** số tiền còn nợ

lại là 52.775.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông **T** và bà **L** không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh **R** và trong các lần Tòa án triệu tập, ông **T** và bà **L** đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông **Nguyễn Văn T**, bà **Nguyễn Thị L** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng ông **T**, bà **L**.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của anh **Đặng Hoàng R**, thấy rằng: Từ ngày 26/5/2014, anh **R** có làm hợp đồng mua bán thức ăn tôm và các loại thuốc thủy sản với vợ chồng ông **T**, bà **L** và các bên thỏa thuận thời điểm thanh toán khi thu hoạch vụ tôm. Đến ngày 08/5/2016, hai bên có chốt nợ và có làm biên nhận nợ thể hiện ông **T** và bà **L** còn nợ anh **R** số tiền 52.775.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông **T** và bà **L** không có văn bản thể hiện ý chí của mình đối với biên nhận chốt nợ nêu trên và không cung cấp tài liệu, chứng cứ phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào biên nhận chốt nợ giữa các bên ngày 08/5/2016 và được ông **T**, bà **L** ký trực tiếp tại biên nhận này vào ngày 12/4/2023, buộc ông **T** và bà **L** có nghĩa vụ trả cho anh **R** số tiền 52.775.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **T** và bà **L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 2.639.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, 434 và 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Đặng Hoàng R**. Buộc ông **Nguyễn Văn T** và bà **Nguyễn Thị L** có nghĩa vụ trả cho anh **Đặng Hoàng R** số tiền 52.775.000 (năm mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi

suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.639.000 (hai triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn) đồng.

Hoàn trả cho anh Đặng Hoàng R số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.319.375 (một triệu ba trăm mười chín nghìn ba trăm bảy mươi lăm) đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002261 ngày 03 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Đặng Hoàng R có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Minh Út